

**CÔNG TY TNHH DUKA STUDIO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DUKA STUDIO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DUKA STUDIO COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DUKA STUDIO CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109968857

**3. Ngày thành lập:** 18/04/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 14 ngõ 143/300 Nguyễn Chính, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0912733322

Fax:

Email: [dukaanimation@gmail.com](mailto:dukaanimation@gmail.com)

Website: <https://dukaanimation.com>

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8230        |
| 2.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                         | 8299        |
| 3.  | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8552        |
| 4.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Đào tạo tự vệ;<br>Đào tạo về sự sống;<br>Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;<br>Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);<br>Giáo dục dự bị;<br>Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; | 8559        |
| 5.  | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>(trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)                                                                                                                                                                                                                       | 9000        |
| 6.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                          | 6311        |
| 7.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7310        |
| 8.  | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7320        |
| 9.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7410        |
| 10. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>(trừ hoạt động của phóng viên ảnh)                                                                                                                                                                                                                                                   | 7420        |
| 11. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7710        |
| 12. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                            | 5610        |
| 13. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5630        |
| 14. | Xuất bản phần mềm<br>(loại trừ hoạt động xuất bản phẩm)                                                                                                                                                                                                                                                     | 5820        |
| 15. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: Hoạt động sản xuất phim                                                                                                                                                                                               | 5911(Chính) |
| 16. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5912        |
| 17. | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc<br>(loại trừ hoạt động xuất bản)                                                                                                                                                                                                                                       | 5920        |
| 18. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                              | 7730        |
| 19. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7911        |
| 20. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành                                                                                                                                                                                                                                               | 7912        |
| 21. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                         | 7990        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
Địa chỉ thường trú: \_\_\_\_\_  
Địa chỉ liên lạc: \_\_\_\_\_

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN HỒNG ĐỨC \_\_\_\_\_ Giới tính: *Nam*  
Chức danh: *Giám đốc*  
Sinh ngày: *01/02/1983* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001083004633*  
Ngày cấp: *31/10/2014* Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*  
Địa chỉ thường trú: *Số 23 ngõ 521 đường Trương Định, Phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*  
Địa chỉ liên lạc: *Số 14 ngõ 143/300 Nguyễn Chính, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội